TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 116 /2022/HNGĐ- ST Ngày: 09-8-2022 *"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mầm và ông Trương Vĩnh Mai
- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên Tòa: Ông Y Khang Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 348/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thủy N, sinh năm 1988; Địa chỉ: 31/15A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Ông Hồ Xuân C, sinh năm 1987; Địa chỉ: 31/15A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy N trình bày có nội dung:

Tôi và anh Hồ Xuân C tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2014 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Theo quyết định nêu trên đã giao con chung là Hồ Nguyễn Cát T, sinh ngày 15/11/2016 cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì muốn hàn gắn gia đình nên chúng tôi đã quay lại sống chung từ tháng 02/2019 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chúng tôi sống chung đến khoảng tháng 11/2019 thì không sống chung với nhau nữa. Đến tháng 8 năm 2020, anh C lại hứa thay đổi nên chúng tôi lại quay trở lại sống chung nhưng cuộc sống chung lại mâu thuẫn, không thể hòa hợp, ông C thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con. Xét thấy không thể sống chung được nữa nên tôi đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh C.

Sau khi về sống chung chúng tôi thêm 01 con chung là: Hồ Vĩnh T, sinh ngày 31/01/2020. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Xuân C trình bày:

Tôi thống nhất với nội dung chị Nguyễn Thị Thủy N đã trình bày.

Tôi và chị Nguyễn Thị Thủy N tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, chúng tôi có đăng ký kết hôn năm 2014 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì muốn hàn gắn gia đình nên chúng tôi đã quay lại sống chung từ tháng 02/2019 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chúng tôi sống chung đến khoảng tháng 11/2019 thì không sống chung với nhau nữa. Đến tháng 8 năm 2020, chúng tôi lại quay trở lại sống chung nhưng cuộc sống chung lại mâu thuẫn, không thể hòa hợp, xét thấy không thể sống chung được nữa nên tôi đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và chị N.

Về con chung: Trong quá trình sống chung chúng tôi có 02 con chung là: Hồ Nguyễn Cát T, sinh ngày 15/11/2016 và Hồ Vĩnh T, sinh ngày 31/01/2020. Tôi đồng ý giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

-*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thủy N.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thủy N và ông Hồ Xuân C.

Về con chung: Giao cháu Hồ Vĩnh T, sinh ngày 31/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Thủy N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Hồ Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hồ Xuân C và bà Nguyễn Thị Thủy N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hồ Xuân C và bà Nguyễn Thị Thủy N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thủy N tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là ông Hồ Xuân C có nơi cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thủy N và ông Hồ Xuân C có đăng ký kết hôn năm 2014 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đến tháng 02/2019 chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó, bà Nguyễn Thị Thủy N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Hồ Xuân C là quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Bà N và ông C có 02 con chung: Hồ Nguyễn Cát T, sinh ngày 15/11/2016 và Hồ Vĩnh T, sinh ngày 31/01/2020.

Về việc nuôi dưỡng con chung là cháu Hồ Nguyễn Cát T đã được Tòa án giải quyết theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột nên không xem xét giải quyết.

Về con chung Hồ Vĩnh T, sinh ngày 31/01/2020, ông C và bà N thỏa thuận giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành và

không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, ông C có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là tự nguyện và phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện cần chấp nhận

[5]Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thủy N tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2]Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thủy N;

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thủy N và ông Hồ Xuân C là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung:

Giao con chung là cháu Hồ Vĩnh T, sinh ngày 31/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Thủy N được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thủy N và ông Hồ Xuân C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hồ Xuân C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thủy N và ông Hồ Xuân C không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thủy N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Tiến Thịnh đã nộp thay bà N theo biên lai thu số AA/2021/0012766 ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS,
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt